

Việt Nam Văn Hiến

Năm Thứ 4889

www.vietnamvanhien.org

www.vietnamvanhien.net

www.vietnamvanhien.info

www.vietnamvanhien.com



ĐỘNG ĐÌNH HỒ, QUÊ NGOẠI LẠC LONG QUÂN.

[Bác Sĩ Nguyễn Xuân Quang](#)





Đền Động Đình thờ Long Vương ở đảo Quân Sơn, trong hồ Động Đình tỉnh Hồ Nam, Trung Hoa ngày nay. Theo truyền thuyết Việt, Công chúa Thần Long hay Long Nữ, con Long Vương lấy Kinh Dương Vương sinh ra Lạc Long Quân. Long Vương là ông ngoại của

Lạc Long Quân.



Cổng tam quan có 9 con rồng (cửu long). Số 9 là số Chấn thể gian mang nghĩa nước-lửa, sấm mưa, mặt trời nước, nước dương chuyển động (biển, sông...), bản thể của Lạc Long Quân. Lưu ý mái cổng tam quan hình gợn sóng, mái cổng chính hình vòm (vòm vũ trụ, không gian, vòm trời), đầu cột có hình cầu tròn (nòng) mang âm tính thuộc ngành nòng, âm, nước, không gian, Thần Nông đối ngược với mái, các trụ đầu nhọn, có góc cạnh mang dương tính nọc, dương, lửa, mặt trời, Viêm Đế.

	<p>中华历史文化名楼 国家重点文物保护单位 国家级重点风景名胜区 国家首批AAAA旅游景区</p>	<p>Chinese Famous Tower for History & Culture National Cultural Protection Unit National Scenic Area The First Batch of AAAA Grade Tourist Area of China</p>	 <p>“洞庭天下水，岳阳天下楼”——岳阳楼矗立于湖南省岳阳市古西门城头，临洞庭，瞰长江，肇自汉晋，兴于唐，盛于宋，距今已有1700多年历史，是江南三大名楼中唯一保持原址原貌的古建筑。北宋范仲淹的《岳阳楼记》横空立就，“忧乐”情怀浩气博大，楼以文名，文以楼传，岳阳楼自此声名益著，名播四海，令文人墨客心醉神往，广大游客流连忘返，是岳阳市的靓丽“名片”和城市“金名片”。</p> <p>“The waters of Dongting Lake are well-known across the land; the Tower of Yueyang is simply beyond compare.” —— Located at the ancient west gate of Yueyang, Yueyang Tower, with a view into the Yangtze River over Dongting Lake, is the only one among the three famous lakes in South China standing in its original location with original appearance. Built up in Han-Jin Dynasty, established its fame in Tang and Song Dynasty, the tower enjoys a history of over 1700 years. It is made even more famous by the well-known article “Notes on Yueyang Tower” by Fan Zhongyan, one of the greatest writers in Song Dynasty for the vivid description of the beauty of the lake and idea “Do its best to feel joyless about state affairs and the least I enjoy yourself,” which expresses the spirit pursued by the people. As attracted thousands of poets, writers in the past, it is attracting more and more tourists. Yueyang Tower today is serving as a reception hall to the city to the outside world.</p>
---	--	--	---

Lầu Lạc Dương bên hồ Động Đình (ảnh chụp tấm vé vào cửa thăm viếng Lầu Lạc Dương).

(Đón đọc bài viết 1. Động Đình Hồ, 2. Động Đình Hồ và Truyền Thuyết Việt trong những số tới).

HỒ ĐỘNG ĐÌNH

(phần 1).

Nguyễn Xuân Quang

LTG

.Bài viết về hồ Động Đình này gồm hai phần: một phần là Hồ Động Đình nhìn tổng quát và một phần là Hồ Động Đình và Truyền Thuyết Việt.

.Cám ơn anh Đỗ Ngọc Thành, một nhà khảo cứu chữ Hán và chữ Nôm cổ Bách Việt đã giúp chuyển các bài thơ chữ Hán qua Hán Việt và Việt ngữ cũng như đã góp ý.

*

Trên con đường Đi Theo Dấu Chân Quốc Tổ Đại Tộc Việt để khảo cứu về nguồn cội, tìm cái căn cước Việt khởi đầu đi từ truyền thuyết vua thế gian đầu tiên Kì Dương Vương của nước Xích Quỷ (Người Mặt Trời) lấy con gái Long Vương ở Hồ Động Đình sinh ra Lạc Long Quân, trước tiên chúng tôi tìm về Hồ Động Đình. Theo truyền thuyết Hồ Động Đình là cội nguồn của Đại Tộc Việt, của Bách Việt. Từ Los Angeles, chúng tôi tới Thượng Hải làm bàn đạp xuống Trường Sa (Changsha), tỉnh Hồ Nam để rồi tới Hồ Động Đình. Tiện thể chúng tôi cũng thăm viếng Triển Lãm Quốc Tế Thượng Hải 2010.

Theo Lĩnh Nam chích quái thì biên cương phía bắc của nước Văn Lang lên tới hồ Động Đình, xa hơn các đỉnh Ngũ Lĩnh vài trăm dặm về phía Bắc:

Cũng nên biết Lĩnh Nam là phần đất phía nam của rặng núi Nam Lĩnh (rặng núi Lĩnh ở phía nam), một trong năm ngọn núi Lĩnh gọi là Ngũ Lĩnh. Lĩnh Nam gồm những vùng phía nam tỉnh Hồ Nam, tỉnh Quảng Đông, Quảng Tây, một phần Vân Nam và Bắc Việt Nam. Ngày nay Quảng Châu thủ phủ của Quảng Đông vẫn còn dùng từ Lĩnh Nam để tự gọi mình.

Trường Sa (tiếng Hoa giản thể: 长沙; tiếng Hoa phồn thể: 沙; pinyin: *Chángshā*; Wade-Giles: *Chang-sha*), thủ phủ tỉnh Hồ Nam. Tỉnh này nằm ở phía nam hồ Động Đình nên mới có tên là Hồ Nam. Trong khi Hồ Bắc ở phía bắc hồ Động Đình (cần phân biệt với Hoa Nam và Hoa Bắc).

Trường Sa có diện tích: 11.819 km², dân số 6.017.600 (theo thống kê dân số năm 2003).

Di tích khảo cổ học cho thấy hơn 3.000 năm trước đã có cư dân sống ở đây. Đến năm 202 Trước Tây Lịch, đây đã là một thành kiên cố. Thời nhà Hán đây là kinh đô của Vương quốc Trường Sa. Trong thời Tam Quốc, Trường Sa là một chiến trường ác liệt. Thời nhà

Tùy, Trường Sa là một huyện.

Trường Sa ở hạ lưu sông Tương Giang (湘江) hoặc Tương Thủy (湘水), một nhánh sông Dương Tử (Trường Giang). Tương Giang bắt nguồn từ huyện Lâm Quý của khu tự trị của tộc Tráng (Zhuang), ở Quảng Tây.

Ngoài hồ Động Đình ra, Hồ Nam có vài nơi cần thăm viếng như Bảo Tàng Viện nổi tiếng thế giới Đồi Mã Vương (馬王堆, *Mawangdui*), Bảo Tàng Viện Mao Trạch Đông ở Trường Sa và đi xa hơn (khoảng 270 km) là khu nghỉ mát thần tiên, kỳ vĩ Vũ Lăng Nguyên (Wulingyuan) đã được UNESCO nhận là Di Sản Thế Giới.

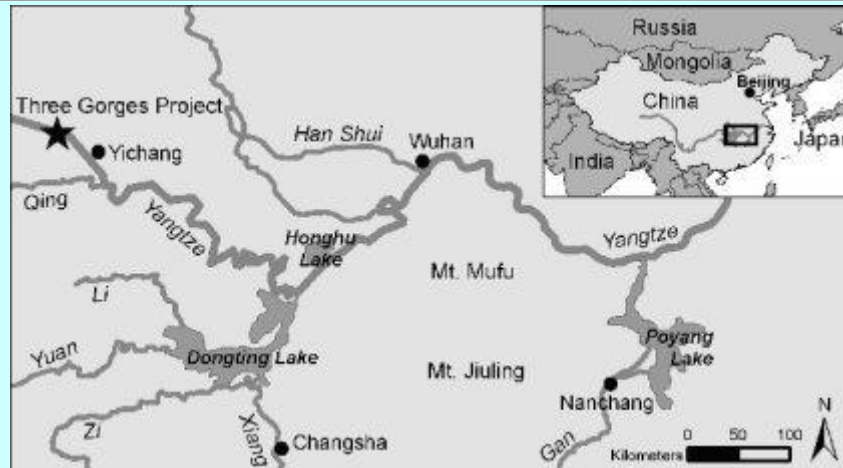
Ngày đầu chúng tôi ghé thăm Bảo Tàng Viện Mã Vương Đồi. Khu đồi cao Mã Vương là khu mộ cổ nhà Tây Hán (khoảng 186-165 Trước Tây Lịch). Mộ bắt đầu được khai quật vào thập niên 1970, trong đó có thi hài của bà Tân Truy (辛追) được ướp vẫn còn trong tình trạng tốt. Người ta cũng tìm thấy trong mộ phiên bản sớm nhất của Đạo Đức Kinh của Lão Tử. Đây là một bảo tàng viện bách khoa của thời Tây Hán (sẽ có bài viết riêng về Bảo Tàng Mã Vương Đồi).

Sau đó tới thăm Bảo Tàng Viện Mao Trạch Đông. Mao Trạch Đông bắt đầu sự nghiệp chính trị ở Trường Sa. Ông đã học ở Trường Sư Phạm Số 1 Hồ Nam từ 1913 đến 1918. Sau đó ông trở thành giáo viên rồi hiệu trưởng từ 1920-1922. Văn phòng làm việc của ông tại trường thời đó nay dùng làm bảo tàng. Bảo Tàng Viện Mao ở đây rất khiêm tốn và không trưng bày một chút gì về cuộc đời chính trị sau này.

Ngày hôm sau chúng tôi lên đường tới hồ Động Đình. Đây là chủ đích của chúng tôi. Đến Trường Sa mục đích chính là để tiếp cận hồ Động Đình.

Tìm về hồ Động Đình với một tâm hồn đầy ấp huyền thoại Bách Việt như đi vào một giấc mơ, đi trong huyền thoại trở về nguồn cội từ thuở khai thiên lập địa, từ thuở hồng hoang, từ thuở khai sinh của dòng giống Xích Quỷ, dòng giống Bách Việt.

Hồ Động Đình (洞庭湖; phiên âm: *Dòngtíng hú*; Wade-Giles: *Tung-t'ing Hu*) là một hồ lớn, ở phía Đông Bắc tỉnh Hồ Nam. Hồ Động Đình là một thứ biển hồ điều hòa lưu lượng nước của sông Dương Tử tương tự như biển hồ Tonlé Sap điều hòa lưu lượng nước của hạ lưu sông Mekong ở Campuchia. Kích thước của hồ phụ thuộc vào mùa, nhưng về tổng thể hiện nay là hồ nước ngọt có diện tích lớn thứ nhì tại Trung Quốc sau hồ Bà Dương (鄱陽湖). Thật ra ngày xưa, về thời nhà Hán, với đầm lớn Vân Mộng (雲夢大澤 - *Vân Mộng đại trạch*) nằm ở phía bắc hồ Động Đình, ở tỉnh Hồ Bắc, Động Đình là hồ lớn nhất Trung Quốc và được gọi là Bát bách lý Động Đình (八百里洞庭 - *Hồ Động Đình tám trăm dặm*). Ngày nay, một phần hồ đã biến thành đất trồng trọt nên Động Đình mới trở thành hồ lớn thứ hai sau hồ Bà Dương. Hồ rộng lớn nhất vào mùa nước lũ từ tháng 7 tới tháng 9 từ sông Dương Tử đổ vào hồ. Diện tích tăng lên gần gấp mười lần vào mùa nước lũ.



Bản đồ hồ Động Đình Dongting lake: Sông Dương Tử Yangtze có đập Tam Hợp Three Gorges (có ngôi sao) đổ vào hồ Động Đình. Ngoài ra còn có bốn con sông khác: Sông Tương Xiang chảy qua Trường Sa Changsha, sông Tư Giang Zi, sông Nguyên Yuan, sông Lễ Li cũng đổ vào hồ Động Đình.

Ngoài sông Dương Tử ra, hồ còn được bốn con sông khác đổ vào là Tương Giang, Tư Giang, Nguyên Giang và Lễ Thủy. Ngoài ra sông Tiêu đổ vào sông Tương gần Trường Sa trước khi sông Tương đổ vào hồ vì thế khúc sông này được gọi là Tiêu Tương. Sông Tương, Tiêu Tương là những con sông nổi tiếng được nói tới rất nhiều trong văn chương Trung Hoa và Việt Nam. Hồ Động Đình phong cảnh thần tiên được mệnh danh là Tiêu Tương Hồ Nam.

Tỉnh Hồ Nam là châu thổ sông Tương nên Hồ Nam có khi gọi tắt là Tương theo tên con sông nổi tiếng này. Sông Tương thường liên kết với chia ly. *Tương trúc* là thứ tre đốm quí ở tỉnh Hồ Nam, đốm có hình giọt nước mắt (xem dưới). Truyền thuyết Việt cũng ghi rằng Lạc Long Quân và Âu Cơ chia tay nhau ở cánh đồng Tương...

Tàu thuyền lớn có thể đi từ sông Tương tới Trường Sa. Rất tiếc hồ Động Đình ngày nay đã thương mại hóa nhiều.

Giữa hồ có một đảo lớn tên là Quân Sơn (Junshan, 君山). Ngày trước phải dùng thuyền tâu đi từ bến bên Lâu Lạc Dương (hay Nhạc Dương, YueYang) đi qua đảo. Mới đây một cây cầu vừa xây xong nối từ bờ ra đảo. Thuận đường xe từ Tràng Sa tới, chúng tôi dùng đường cầu ra thăm đảo trước rồi mới tới thị trấn Lạc Dương thăm Lâu Lạc Dương bên bờ hồ.

ĐẢO QUÂN SƠN

Đảo Quân Sơn nguyên gốc gọi là núi Động Đình hay Tương Sơn (Xiangshan). Đảo cách thị trấn Lạc Dương bên bờ khoảng 13 km, chiều rộng 1 km, có 72 đỉnh núi, 36 đình quán và 48 đền. Phong cảnh ở đây đi cùng với hồ thật thần tiên như chốn bồng lai tiên cảnh, đã nổi danh hàng ngàn năm nay. Tương truyền rằng ngày xưa có tiên xuất hiện ở đây. Cảnh sắc thay đổi theo bốn mùa. Về mùa xuân hoa cỏ muôn màu muôn sắc. Mùa hạ, trời quang mây tạnh là lúc thấy rõ toàn cảnh hồ. Mùa thu khói sương huyền ảo như chốn thiên thai. Đêm đêm văng vẳng vọng lại tiếng hát câu hò của người dân chài trong thỉnh lặng. Mùa đông là lúc những loài diều trở về...

Chúng tôi tới hồ Động Đình vào mùa thu. Rừng cờ lau sậy bạt ngàn ven hồ, phát phơ lay nhẹ trong gió thu.



Rừng cò lau sậy bên hồ Động Đình (ảnh của tác giả).

Gần trưa rồi mà khói sương thu còn mịt mù trên mặt hồ.



Khói sương thu huyền ảo mịt mù trên mặt hồ Động Đình (ảnh của tác giả).

Cảnh sắc huyền ảo như trong một bức tranh sơn thủy.

Phong cảnh núi Cửu Nghi (九嶷山) và hai con sông Tiêu, Tương dưới chân núi thường được nhắc đến trong thơ Trung Hoa. Vào thời nhà Tống, việc vẽ tranh phong cảnh vùng này thành một bộ tám bức đã trở thành một trào lưu. Trào lưu này đã lan sang Nhật Bản, nơi những địa điểm nổi tiếng khác đã được thay thế cho sông Tiêu và sông Tương (vi. wikipedia).

Đứng bên hồ mênh mông như biển vũ trụ mà thấy lòng mình mở rộng ra bao la. Dường như thi hứng đang ủ men thơ trong lòng mình. Ngày trước nơi đây là nơi ẩn cư của các đạo sĩ. Bao nhiêu vua chúa, vương giả, tao nhân mặc khách đã tới đây để xa lánh trần tục, tĩnh dưỡng, ngoạn cảnh. Bao nhiêu thi bá, thi hào, thi thánh, thi tiên tới đây để thơ. Trong đó có thi tiên Lý Bạch có nhiều bài thơ viết về hồ Động Đình. Một bài thơ của Lý Bạch được khắc lên bức tường đá ở đây:



Ngắm mặt ngắm trời thu trên hồ Động Đình, thi tiên Lý Bạch đang làm thơ.

Dưới đây là phần chuyển qua Hán Việt và Việt ngữ của bài thơ có hàng chữ lớn “Đan thanh họa xuất thị Quân sơn” khắc trên tảng đá ở hình trên và lời ghi chú của anh Đỗ Ngọc Thành.

李白 Lý Bạch

游洞庭五首/其五 Du Động Đình (ngũ thù-5 bài/ kỳ ngũ-bài 5)

帝子瀟湘去不還。 Đế tử tiêu tương khứ bất hoàn

空余秋草洞庭間。 Không dư thu thảo động đình gian

淡掃明湖開玉鏡。 Đạm tảo minh hồ khai ngọc kính

丹青畫出是君山。 Đan thanh họa xuất thị Quân sơn

Dịch qua Việt ngữ:

Nơi sông Tiêu Tương Vua đi mà không về, chỉ còn cỏ thu ở Động đình gian, gió nhẹ tan sương thấy mặt hồ, nắng lên họa rõ ra là Quân Sơn.

*** Du Động Đình của Lý Bạch có tới năm bài, đây là bài thứ năm và còn nhiều bài khác

của Lý Bạch cũng nói về hồ Động Đình...

Bài thơ Lý Bạch làm cả hơn ngàn năm rồi mà vẫn thầy rất đúng ngay trước mắt chúng tôi ngày cuối thu hôm đó: “*Gió nhẹ tan sương thầy mặt hồ*” và “*Nắng lên họa rõ ra là Quân Sơn*”.

Và Lưu Vũ Tích (Liu Yuxi) với bài Vọng Động Đình:



Lưu Vũ Tích đang lim dim làm thơ ở Quân Sơn.

Sau đây là phần chuyển qua Hán Việt và ghi chú của anh Đỗ Ngọc Thành:

望洞庭-Vọng Động Đình

刘禹锡-Lưu Vũ Tích

湖光秋月两相和，潭面无风镜未磨。

Hồ Quang thu nguyệt lưỡng tương Hòa, Đầm diện vô phong kính vị ma

遥望洞庭山水翠，白银盘里一青螺

Dao vọng Động Đình Sơn thủy thúy, Bạch ngân bàn lý nhất thanh loa.

Ghi chú :

湖光: Hồ quang, quang là “phong quang, phong cảnh, cảnh quang, phong cảnh của hồ.

秋月: Thu Nguyệt: trăng mùa thu.

两相和: Lương tương hòa, cả hai (cảnh quang của hồ và cảnh trăng thu) cùng hòa chung với nhau...

潭面: Đàm diện: diện của đầm, tức là mặt nước đầm (Hán Việt: Đàm/ thuần Việt: Đầm => thật ra là...giống nhau).

无风: Vô phong : không gió.

镜未磨: Kính vị ma: Kính chưa bị mài (mặt kính chưa bị “mài” trầy, mờ...).

遥望: Dao vọng: ...xa “diệu” vọng mà “vọng”/ nhìn...遥/ tiếng Quãng Đông và Triều Châu còn đọc “dieo/遥” như diệu.

洞庭: Động Đình: (sẽ giải thích rõ gốc chữ ở phần Hồ Động Đình và Truyền Thuyết Việt).

山水翠: Sơn thủy thúy, “thúy” là con chim xanh (đẹp) ngày xưa gọi là Thanh Vũ Tước: 青羽雀 (Tước bên tiếng Bắc kinh đọc rất giống âm “sẻ” là “chsé” cũng là “Nôm có trước”), một thứ chim bói cá lông xanh biếc là thúy điểu, sau này dùng với nghĩa là đẹp (của màu xanh: rừng xanh, núi xanh, nước trong xanh, ngọc đẹp sáng lung linh ánh trong, xanh..., cái đẹp trong xanh là “Thúy”!

白银: Bạch ngân: bạc có màu trắng...khác với vàng, nước dao động bởi dòng chảy hay gợn gió sóng thường phản chiếu ánh sáng lóng lánh như bạc...

盘里: Bồn lý/Bàn Lý ...Trong một cái Bồn (nước), ý so sánh hồ nước như một cái thau nước lớn...

一青螺: Nhất thanh Loa; một con ốc xanh, ...nước xanh trong đến độ thấy được con ốc màu xanh!

.....

Truyền thuyết, huyền thoại.

Đảo có không biết bao nhiêu là truyền thuyết, huyền thoại, giai thoại. Nổi bật nhất là những truyền thuyết có liên hệ với Long Vương:

. Đền Động Đình.

Theo truyền thuyết có một vị Vua Rồng sống dưới đáy hồ. Đền thờ vị Long Vương này rất uy nghi (sẽ khai triển ở phần Hồ Động Đình và Truyền Thuyết Việt).



Dền Động Đình (ảnh của tác giả).

.Giếng Liễu Nghị (Liu Yi).

Giếng Liễu Nghị là đường xuống thủy cung của Long Vương.



Giếng Liễu Nghị (ảnh của tác giả)

Giếng Liễu Nghị nguyên gốc gọi là giếng Cam vì gần đó có cây cam được xây cất đầu tiên vào thời nhà Tùy. Truyền thuyết kể rằng một sĩ tử ở Hồ Nam tên là Liu Mingying trên đường về thủ đô đi thi gặp nàng con gái Long Vương. Nàng bị một người giàu có tên là Jin Baiwan hành hạ bắt đi chăn cừu. Liu giúp nàng. Nàng chỉ cho Liễu dùng giếng Cây Cam xuống gặp Long Vương và đưa thư của nàng cho Long Vương. Long Vương cứu con gái và nhận chết chìm Jin Baiwan. Về sau Liu lấy con gái Long Vương. Câu chuyện về sau được Li Zhaowei viết thành truyền thuyết và phổ biến rộng rãi trong dân gian, trở thành một trong sáu câu chuyện dân gian nổi tiếng của Trung Hoa. Tới thời nhà Tống, giếng được đổi tên là Giếng Liễu Nghị. Ngày nay được xem là một di sản văn hóa.



Con gái Long Vương chẵn cừu và Liễu Nghị (ảnh của tác giả).

.Giếng Dãi Rồng



Giếng Dãi Rồng (ảnh của tác giả).

Những truyền thuyết khác liên hệ với các vị thần ở đảo Quân Sơn và hồ Động Đình như:

.Đền Trương Phi (Xiangfei).



Đền Trương Phi (ảnh của tác giả).

Đền Trương Niệm Trương Phi ngày xưa gọi là Đền Trương Sơn. Đền được xây cất đầu tiên vào thời Chiến Quốc để thờ vị thần ở Quân Sơn và sông Tương. Theo truyền thuyết kể lại thì vua Thuần (Shun, 舜) đi tuần thú và bị bệnh chết ở đây, rồi hai nàng ái phi là Nga Hoàng- 娥皇 và Nữ Anh- 女英 đi tìm và cũng chết nơi đây và được chôn cất nơi này. Sau này Khuất Nguyên- 屈原 làm thơ gọi là Tương Quân (Xiangjun 湘君) và Tương Phu Nhân- (Xiang Furen, 湘夫人). Tương Quân lại được cho là “thần sông” của Sông Tương, Tương Phi – 湘妃 là chỉ chung hai nàng ái phi của Vua Thuần vì đi tìm chồng, đến ngày hẹn “hội ngộ” tại đây mà không gặp rồi mòn mỏi chờ ngã bệnh mà chết theo chồng.

Vì vậy nên từ đời nhà Đường đền được đổi tên là Đền Trương Niệm Trương Phi. Đền được trùng tu lại vào đời vua Gia Qing triều nhà Thanh.

.Mộ Hai Bà Vương Phi.

Do đó ở đây cũng có mộ của hai bà Vương Phi.



Mộ hai bà Vương Phi (ảnh của tác giả).

.Vườn tre đốm (mottled bamboo) giọt nước mắt.



Tre Tương Phi có đốm hình giọt nước mắt (ảnh của tác giả).

Tại đây có một loại tre đốm đặc biệt. Theo người hướng dẫn viên loại tre này có nguồn gốc ở đây. Tương truyền rằng sau khi nghe vua Thuần chết hai bà vương phi ôm thân tre khóc thương thảm thiết. Nước mắt của hai bà nhỏ xuống thân tre biến thành đốm hình giọt nước mắt. Vì thế tre này còn được gọi là Tương Phi trúc hay Tương trúc.

Tôi đứng sững sờ trước vườn trúc. Trong bộ sưu tập tre của tôi cũng có loại tre đốm loại này. Thật ra tre đốm này là một chủng của họ tre *Phyllostachys viridis*.



Tre đóm trong bộ sưu tập tre của tác giả (ảnh của tác giả).

Tôi trồng loại tre đóm này bằng cách hãm không cho chậy tạo thành bụi và có lẽ tại khí hậu California nên tre không to lắm và đóm có màu nhạt hơn. Bây giờ tôi mới biết thêm tên loại tre này là Tương Phi trúc hay Tương trúc và có ở hồ Động Đình, nơi nguồn cội của Đại Tộc Việt. Có trong tay một giống tre thật quý hiếm mà giờ mới biết! Quả đúng là đi một ngày đàng, học được một sàng khôn.

Giai Thoại Địa Phương

Những giai thoại địa phương như:

.Tiếng Chuông Bay Đến Từ Trời.



Chuông Trời (ảnh của tác giả).

Tiếng Chuông Bay Tới Từ Trời (The Bell That Flew From Afar) cũng còn gọi là Chuông Báo Động Bay Tới Từ Trời, vẫn tốt hơn Chuông Trời là một di vật của cuộc nổi dậy của nông dân vào triều đại Nam Tống. Zhong Xiang và Yang Yao cầm đầu các nông dân nổi dậy ở vùng hồ Động Đình gồm cả đảo Quân Sơn. Nhân dân tại Quân Sơn giúp quân nổi dậy bằng cách tự đúc một cái chuông nặng hai tấn. Họ bí mật treo lên cây dùng để báo động. Quân nổi dậy tưởng rằng trời đã đóng tiếng chuông báo động cho họ biết mỗi khi có quân đội của chính phủ tiến đánh. Chuông bị phá hủy trong cuộc Cách Mạng Văn Hóa và được đúc lại năm 1979.

.Cây thiêng.

Ở đây có một cây được cho là cây thiêng. Thân cây chỉ còn lại phần vỏ cây. Cảnh cây mọc ra từ

vỏ cây này. Cây chết đi sống lại nhiều lần. Dân gian nhận thấy mỗi lần cây chết đi là có một đại họa sắp xảy ra cho Trung Hoa, ví dụ như cây đã chết vào thời Cách Mạng Văn Hóa và ngày nay lại đâm nhánh mọc lại.



Cây thiêng thân chỉ còn vỏ cây (ảnh của tác giả).

Phong cảnh, công viên

Như đã nói cảnh quan nơi đây thật là thần tiên. Có rất nhiều công viên, hồ nước như:



Hồ Ái Ân (ảnh của tác giả).

.Lễ hội:

Lễ hội quan trọng nhất là Lễ Đua Thuyền Rồng trong tết Đoan Ngọ (Duanwu Jie).

Ngày nay cho rằng Lễ Hội Đua Thuyền Rồng trong tết Đoan Ngọ liên hệ với nhà thơ nổi tiếng Khuất Nguyên (Qu Yuan), một người trong hoàng tộc nước Sở, làm chức Tả Đồ cho Sở Hoài Vương. Về sau ông bị thất sủng vì đả kích thần và bị vua Tương Vương (người nối ngôi Sở Hoài Vương) đày ra Giang Nam (phía nam sông Dương Tử). Ông sáng tác bài thơ Ly Tao và Sở Từ, diễn tả tâm sự buồn vì đất nước suy vong với họa mất nước. Sau đó ông gieo mình xuống sông Mịch La tự vẫn ngày mùng 5 tháng 5. Dân địa phương tìm cách cứu vớt ông. Họ dùng chèo khuấy nước xua đuổi cá, làm bánh ú (zhongzi) đem thả xuống hồ để cho cá ăn để khỏi ăn thịt Khuất Nguyên. Kể từ đó, mỗi năm cứ đến ngày mùng năm tháng năm, nhân dân vùng hồ Động Đình tổ chức lễ Đoan Ngọ, Duanwu (Đoan biên âm của Duan- có dua- liên hệ với đũa, dual-, duo-, Phạn ngữ dva- là đôi, hai và wu là ngũ,

năm. Ngọ biên âm với ngũ, năm. Duanwu, đoan ngộ là đôi năm, song ngũ, mùng 5 tháng 5). Tại Việt Nam tết Đoan Ngọ chúng ta ăn bánh ú tro (bánh tro gói theo hình bánh ú), cổ tay đeo chỉ ngũ sắc, giết sâu bọ, ăn cơm rượu nếp, đi lên rừng lên núi hái thuốc...

Như thế Lễ Hội Đua Thuyết Rồng ở hồ Động Đình vào ngày mùng 5 tháng 5, lễ Đoan Ngọ thật ra chỉ là một sự phối hợp mà thôi. Thật sự Lễ Đua Thuyền Rồng đã có trước thời Khuất Nguyên và liên hệ với Long Vương, vua Động Đình Hồ (xem phần Hồ Động Đình và Truyền Thuyết Việt).

.....

.Đặc Sản

Đặc sản nổi tiếng nhất của đảo Quân Sơn là trà kim bạc (ngân châm trà). Đọt trà dài đầu nhọn như mũi kim. Lúc mới đổ nước sôi pha trà, trà nổi lên mặt đứng thẳng chỉ thiên. Khi ngấm rồi từ từ lắng xuống đáy nhưng vẫn giữ thẳng đứng.



Trà ngân châm Quân Sơn (ảnh của tác giả).



Ném nệm trà kim bạc 'ngân châm' Quân Sơn.

Trà này là một sở thích của vua Càn Long đời nhà Thanh vì thế trở thành trà ngự dùng tiến vua.

Đảo có những nương trà xanh tươi lượn sóng trên các ngọn đồi. Mùa này trà đang ra hoa. Phần lớn hoa có màu trắng nhụy vàng nhưng thỉnh thoảng cũng thấy hoa màu hồng. Hoa giống trà hoa nữ (camelia).



Hoa trà kim bạc (ảnh của tác giả).

.....

Toàn cảnh một phần hồ phải nhìn từ Lầu Lạc Dương (YueYang) ở thị trấn Lạc Dương (岳阳). Lạc Dương hay Nhạc Dương cùng với Ích Dương (益阳), Thường Đức (常德) là ba thị trấn lớn bên hồ Động Đình. Lầu Lạc Dương đã vang bóng, đã lừng danh một thời.

Bữa ăn trưa chúng tôi dùng các đặc sản cá rau từ hồ Động Đình. Ở đây có loại cá đầu to nổi tiếng ngon. Thức ăn Hồ Nam cay xé miệng, vã mồ hôi trán, nóng bỏng như phún xuất thạch mới phun ra từ núi lửa, cay hơn cả chục lần các món ăn Thái và Mỹ. Sau bữa ăn trưa chúng tôi lên đường đến Lạc Dương.

HỒ ĐỘNG ĐÌNH

(phần 2).

LẦU NHẠC DƯƠNG

Nguyễn Xuân Quang

Thị trấn Nhạc Dương (YueYang) nằm ở phía đông bắc tỉnh Hồ Nam với hồ Động Đình ở phía tây và sông Dương Tử ở phía bắc, cách Trường Sa 150 km. Thị trấn Nhạc Dương nằm ngay bờ hồ. Ngày nay thị trấn Nhạc Dương còn công Zhanyue, thành xưa và con phố cổ Bianhe.

Từ ngàn xưa nơi đây đã là chỗ đến viếng và vãn cảnh hồ. Vì thế nhiều triều đại Trung Hoa đã xây dựng những đền đài ngắm cảnh hồ, làm thơ, uống rượu, giải trí, tu dưỡng... Thị trấn Nhạc Dương nổi tiếng với Lầu Nhạc Dương (岳阳楼 Yuèyánglóu).

Lầu Nhạc Dương là một tháp lầu nổi tiếng suốt bốn triều đại của Trung Hoa gọi là Tứ Đại Danh Tháp Trung Quốc.

Vào thời Tam Quốc, tướng Lỗ Túc (Lusu) nhà Đông Ngô đã dùng Lầu Nhạc Dương làm nơi duyệt binh. Năm Kiến An thứ 20 (215) Tôn Quyền và Lưu Bị tranh giành đất Kinh Châu. Tướng Lỗ Túc dẫn quân đóng tại vùng chiến lược Ba Khâu tại hồ Động Đình luyện tập thủy quân, xây thành Ba Khâu. Bên hồ Động Đình ông cho xây một lầu tháp để duyệt thủy quân gọi là Duyệt Quân lâu. Thời nhà Tần và Nam-Bắc Triều, Duyệt Quân lâu đổi tên là Ba lăng thành lâu. Đến thời nhà Đường, Ba lăng thành lâu được xây lại gọi là Nhạc Dương lầu (vi.wikipedia).

Lầu này có lối kiến trúc kiểu nhà Đường. Lầu bị phá hủy nhiều lần nhưng được xây dựng lại bởi các triều đại về sau. Lầu Nhạc Dương là một kho tàng về kiến trúc ghi lại các kiểu kiến trúc qua nhiều triều đại của Trung Hoa. Qua các tranh cổ các kiến trúc này được lưu trữ lại. Một công viên tại đây trưng bày những mô hình Lầu Nhạc Dương bằng đồng thau qua năm triều đại (Five Dynasty Bronze Towers). Những mô hình lầu đồng thau này được coi là lớn vào bậc nhất Trung Hoa,



Lâu Nhạc Dương đời Đường (ảnh của tác giả).



Lâu Nhạc Dương thời Tống (ảnh của tác giả).



Lầu Nhạc Dương thời nhà Nguyên (ảnh của tác giả).



Lầu Nhạc Dương thời nhà Minh (ảnh của tác giả).



Lầu Nhạc Dương thời nhà Thanh (ảnh của tác giả).

Tôi ghi lại đây hình ảnh những mô hình các Lầu Lạc Dương của 5 triều đại Trung Hoa này để cho thấy các lầu này đều xây theo vũ trụ quan có hình Tam Thế của Vũ Trụ Tạo Sinh, Vũ Trụ giáo. Lưu ý vào đời Đường lầu chỉ có hai tầng, ‘tầng’ nền trên mặt hồ nước coi như là Hạ Thế, cõi dưới, cõi nước, cõi âm hãy còn giữ theo chính thống. Trong khi vào các đời sau lầu đã xây với ba tầng trên mặt đất nên tầng dưới cùng coi như là hạ thế ở trên mặt đất không còn chính thống ở dưới nước nữa.

Hình trang trí trên nóc nhà của lầu vào đời Đường, đời Tống có hình con cá (có lẽ là loài cá anh vũ, một loại cá chép là loài cá có thể hóa long, đã thể điệu hóa, thần thoại hóa chút ít). Thoạt khởi thủy, con người dùng các loài vật có trong thiên nhiên làm vật tổ nên rắn nước, cá (chép) biểu tượng cho nước, cõi nước, hạ thế. Về sau theo dòng văn minh, con người thần thoại hóa, linh vật hóa các vật tổ, vật thờ thiên nhiên thành các linh vật. Rắn, cá chép hóa rồng vì thế mà tới đời nhà Thanh, hình tượng ở đầu mái lầu đã có hình rồng.

Tuy nhiên để ý con rồng ở đây thân và đuôi có móc sóng cuộn, đầu còn mang hình ảnh đầu cá, sừng rất nhỏ mang âm tính cho thấy rồng này là rồng nước. Điểm này ăn khớp với khuôn mặt âm, nước của Long Vương, vua hồ Động Đình.

Sự biến hóa từ cá đời Đường sang rồng đời Thanh cho thấy nền văn hóa rồng là nền văn hóa đã muộn so với nền văn hóa rắn nước, cá chép. Những nền văn hóa dựa vào các linh vật như văn hóa Trung Hoa dựa vào Long Li Qui Phượng là những nền văn hóa muộn.

Ở đây cũng cho thấy nền văn hóa cá nguyên thủy của dân bản địa tức của Bách Việt có thể đã bị Trung Hoa hóa thành văn hóa rồng.

Nền văn hóa Tiên Rồng của chúng ta là nền văn hóa muộn sau này so với nền văn hóa Chim Rắn của cổ Việt thấy trên trống đồng của đại tộc Đông Sơn. Chúng ta nên trở về lấy nền văn hóa Chim-Rắn làm gốc, còn dùng hai từ Tiên Rồng chỉ là một cách nói hoa mỹ cho đẹp mà thôi, nếu không muốn nói là đã chịu ảnh hưởng của văn hóa Trung Hoa. Các nhà làm văn hóa Việt Nam hiện nay nên tránh dùng các hình linh vật Long Ly Qui Phượng trang trí cho các kiến trúc thờ phượng Việt như đình chùa miếu, đài tưởng niệm. Nên dùng các vật tổ của chúng ta là Rắn Nước, Thuồng Luồng, Nghê, Rùa Ba Ba, chim Cắt. Nên tránh dùng các hình này vì thứ nhất là nó diễn tả một nền văn hóa muộn không phải là của cổ Việt, thứ hai nó lầm lẫn với văn hóa Trung Hoa, nói tới Long Ly Qui Phượng là thế giới nghĩ ngay và cho đó là của văn hóa Trung Hoa, chúng ta khó lòng mà cãi lại là chúng có nguồn gốc của chúng ta (dù cho đó có là sự thật của chúng ta đi nữa). Nếu bắt buộc phải dùng hình rồng biểu tượng cho Lạc Long Quân thì nên dùng rồng thuộc ngành Rồng Nước có thân rắn uốn khúc hình sóng nước như rồng thời nhà Lý hay rồng có đuôi hình cuộn sóng như thấy ở trên. Lạc Long Quân của chúng ta thuộc dòng Rồng Nước, cháu ngoại của Long Vương ở đây. Rồng Thăng Long là rồng bay lên trời phải dùng hình rồng nước nhưng có bờm gió mang tính cường điệu.

Cũng nên biết hồ Động Đình là nơi ẩn dật của các đạo sĩ theo Đạo giáo, là đất của Đạo giáo nên văn hóa ở đây ảnh hưởng nhiều về thuyết Vũ Trụ Tạo Sinh, Vũ Trụ giáo (hình đĩa thái cực được cho là của Đạo giáo). Vì thế các lầu ở các đời sau cũng thấy có các kiến trúc của hình quả bầu ở trên nóc (trong kiến trúc, quả bầu nhìn dưới dạng nhất thể có một khuôn mặt là đĩa thái cực). Ta đã biết Vũ Trụ Tạo Sinh, Vũ Trụ giáo dựa trên nguyên lý lưỡng hợp nòng nọc, âm dương, khởi đầu từ bầu hư vô, bầu vũ trụ, bầu tạo hóa, bầu tạo sinh, được diễn tả trong kiến trúc bằng hình quả bầu. Khi thấy một kiến trúc tín ngưỡng, thờ phượng nào trên nóc có hình quả bầu thì biết ngay kiến trúc đó theo hay bị ảnh hưởng bởi Vũ Trụ giáo (xem bài viết Vũ Trụ giáo). Nhưng trái bầu ở đây đã thể điệu hóa không còn giữ hình trái bầu âm dương cho thấy Vũ Trụ giáo ở văn hóa Trung Hoa đã biến dạng hay tam sao thất bản không còn giữ được chính thống.

Những điểm biến thái này cho thấy văn hóa Trung Hoa có thể đã vay mượn Vũ Trụ giáo từ bên ngoài, ở các nền văn hóa địa phương mà họ thôn tính, họ đã bị đồng hóa, nói rõ ra là bị Bách Việt hóa nên không giữ được thuyết Vũ Trụ Tạo Sinh một cách chính thống.

Như đã nói Hồ Động Đình là chỗ thần tiên mà bất cứ một văn nhân thi sĩ Trung Hoa nào cũng mơ ước được đặt chân tới viếng thăm. Lầu Nhạc Dương là lầu thơ phú, văn chương. Ngày nay ở

đây có một hàng lang những bia đá khắc thơ. Những bia đá ghi lại các bài thơ của các lãnh tụ Trung Hoa làm tại đây, tiếp đến là những bài thơ cổ nổi tiếng của các thi bá, thi hào, thi thánh, thi tiên của Trung Hoa như Lý Bạch, Đỗ Phủ, Lưu Vũ Tích, Bạch Cư Dị... rồi tới của các nhà thơ hiện đại và cuối cùng khắc ghi các điều nói về Lầu Nhạc Dương.

Tiêu biểu chỉ xin nêu ra đây một ví dụ. Đó là bài thơ tuyệt tác *Đăng Nhạc Dương lâu* của thi thánh Đỗ Phủ:



Một phần bài thơ *Đăng Nhạc Dương Lâu* của Đỗ Phủ (ảnh của tác giả).

Sau đây là phần chuyển qua Hán Việt, Việt ngữ và ghi chú của anh Nhận Nam Phi Đỗ Ngọc Thành:

《登岳阳楼》杜甫 **Đăng Nhạc Dương Lâu** Đỗ Phủ

昔闻洞庭水，今上岳阳楼。Tích Văn Động Đình Thủy, Kim thượng Nhạc Dương Lâu.

吴楚东南坼，乾坤日夜浮。Ngô sở đông nam tách, Càn khôn nhật dạ phù.

亲朋无一字，老病有孤舟。Thân bằng vô nhất tự, Lão bệnh hữu cô châu.

戎马关山北，凭轩涕泗流。Nhưng Mã quan sơn bắc, Bằng hiên thê tứ lưu.

Lên Lầu Nhạc Dương : 登岳阳楼 (Đỗ Phủ-杜甫)

昔闻洞庭水，今上岳阳楼。Xưa nghe Động Đình Thủy, nay lên Lầu Nhạc Dương.

吴楚东南坼，乾坤日夜浮。Ngô Sở Đông Nam tách, Càn khôn đêm ngày trôi.

亲朋无一字，老病有孤舟。thân hữu không một chữ, già bệnh chỉ xuồng côi

戎马关山北，凭轩涕泗流。Nhưng Mã quan san Bắc, Bên hiên giọt lụy rơi.

Ghi chú:

Bài thơ theo thể “ngũ ngôn tuyệt cú”, các chữ Lâu-楼, Phù-浮, Châu-舟, Lưu-流 là vần Chân.

- 昔闻: Tích văn: Xưa nghe

- 洞庭水: Động Đình Thủy: Nước của Động Đình, ý nói “Động Đình Hồ”.

- 今上: Kim Thượng : nay Lên

- 岳阳楼: Nhạc Dương Lâu.

- 吴楚: Ngô Sở. nước Ngô và nước Sở.

- 东南坼: Đông Nam Sách: Đông Nam Tách (Tách ra, chia, chẻ...).

- 乾坤: Càn khôn: trời đất.

- 日夜浮: Nhật dạ Phù: Ngày đêm trôi, (Thời gian trôi...)

- 亲朋: Thân Bằng : Thân quyến và bằng hữu, người thân và bạn bè.

- 无一字: Vô Nhất Tự : Không một chữ, (không có tin tức khi xa nhau/ Biệt vô âm tín).

- 老病: Lão Bệnh: già bệnh.

- 有孤舟: Hữu Cô Châu: có (chỉ) một thuyền cô đơn.

- 戎马: Nhưng Mã : Ngựa Nhưng : Loại ngựa cao to và khỏe được nhập vào trung nguyên từ phía tây-âu của người Nhung-戎, thường là dùng cho chiến trận, chiến binh và quan, quân.

- 关山北: Quan San Bắc : Cửa Khẩu quan bắc miền núi.

- 凭轩: Bằng hiên : bên hiên, bên dưới mái hiên.

- 涕泗流: Thệ Tứ Lưu : Chảy nước mắt, nước mũi khi khóc, lệ, lụy rơi....

- ♦ Bài thơ này tả cảnh và tâm sự khi lên lầu Nhạc Dương, Đỗ Phủ là quan Văn của đời nhà Đường, nhằm lúc loạn An-Lộc-San, chiến tranh ly loạn, ngắm nhìn đầm nước Động Đình mênh mông mà cảm khái cho thân phận người sống trong thời loạn, không tin tức của bạn bè, ngựa đi quan Bắc hay thuyền đi Động Đình...chỉ cô đơn như chiếc xuồng đơn côi giữa dòng nước cuộn

đời; Sở và Ngô là hai nước Đông với Tây ngày xưa cùng chung biên giới và Động Đình Hồ rất lớn, lớn đến nỗi tách chia Ngô và Sở ra làm hai một cách rõ ràng!

- ♦ Hiện nay, có hai phiên bản “Đặng Nhạc Dương Lâu” của Đỗ Phủ được lưu truyền online. Có một bản với câu “Ngô Sở Đông Nam *Tổ-诉” là Sai ! Phải là “Ngô Sở Đông Nam *sách-斥”; “sách” là theo cách đọc của từ Hán Việt, “Sách-斥” chính là “tách”, Tách, chia, chẻ đôi...trong bài này nghĩa là nước Hồ Động Đình tách hai nước Ngô và Sở ra hai bên rõ ràng. Bài này có chữ Nôm là “凭轩-Bên hiên” mà từ Hán Việt đọc là “凭轩-Bàng hiên”.

Bài thơ này đã được Mao Trạch Đông viết lại dưới dạng chữ thảo và được khắc lại trên một bia đá ở đây:



Bài thơ của Đỗ Phủ đã được Mao Trạch Đông viết lại dưới dạng chữ thảo (ảnh của tác giả).

Theo người hướng dẫn viên thì Mao Trạch Đông đã sửa hai chữ “lão bệnh” trong bài thơ này. Có giả thuyết cho rằng lúc viết lại bài thơ này Mao Trạch Đông đã già, đã yếu, đã lần rồi nên viết sai như thế. Có giả thuyết lại cho rằng ông cố tình “thay đổi” hai chữ “lão bệnh” ngụ ý cần phải “thay đổi” vì hối tiếc về những điều mình đã làm, thấy cảnh xã hội Trung Hoa trước mắt mình lúc đó chìm ngập trong bạo loạn, trong tang thương khốn cùng mà mình giờ “lão bệnh”, “cô đơn như chiếc xuồng đơn côi giữa dòng nước cuộc đời”. Chữ Hán của tác giả ăn đong, lại còn viết theo chữ thảo thì chỉ thấy bài thơ trông như là một bức tranh cô non xinh đẹp với “ngọn cỏ gió đùa” (Hồ Biểu Chánh). Chữ Anh của người hướng dẫn viên cũng chỉ “đong ăn” (nói theo ngữ pháp Trung Hoa), không diễn tả hết được ý trong đầu. Về nhà đành cầu cứu anh Đỗ Ngọc Thành. Theo anh thì bài thơ viết “*thảo của Mao Trạch Đông không có thay đổi gì! hai chữ “lão bệnh” chỉ viết tắt và dính liền nhau, không thay đổi*”. Như thế thì quả thật Mao Trạch Đông vốn là một nhà giáo đã từng làm hiệu trưởng một trường sư phạm thì khó mà viết sai (ngoại trừ đã già lẫn). Ông đã chỉ chọn hai chữ “lão bệnh” duy nhất trong bài thơ mà viết tắt là cố ý để gợi gắm một tâm sự gì lúc đã “lão bệnh” (viết lại một bài thơ tuyệt tác của một thánh thi, có thể bài thơ này hợp với tâm trạng mình lúc đó mà lại viết tắt một cách thiếu tôn kính thì phải là một việc làm có đầy chủ ý).

Nhạc Dương Lâu sau này vang danh lừng lẫy thêm nhờ hai ông Đằng Tử Kinh (Teng Zijing) và Phạm Trọng Yêm (Fan Zhongyan). Đằng Tử Kinh bị vu cáo tham nhũng nên bị “đày” ra làm tri phủ Nhạc châu. Ông cho trùng tu lại lầu Nhạc Dương. Sau đó mời Phạm Trọng Yêm viết bài Nhạc Dương lâu ký. Bài viết này đã giúp Lầu Nhạc Dương nổi tiếng như cồn khắp Trung Hoa. Trong bài viết của Phạm Trọng Yêm có câu “*tiên thiên hạ chi ưu nhi ưu, hậu thiên hạ chi lạc nhi lạc*” (lo trước cái lo của thiên hạ, vui sau cái vui của thiên hạ). Vì thế ở đây có đền thờ hai vị này.

Lầu Nhạc Dương mới ngày nay được xây cất lại năm 2007.



Lầu Nhạc Dương hiện nay.

Trong lầu là một bảo tàng viện lưu trữ các áng thơ văn cổ của các thi nhân, văn sĩ, học giả viết tại Lầu Nhạc Dương, viết về hồ Động Đình, về Lầu Nhạc Dương và những giai thoại, lịch sử về Lầu Nhạc Dương. Không biết bao nhiêu là thơ văn câu đối. Có một đôi câu đối ngắn nhất của Lý Bạch mà diễn tả hết được cảnh hồ Động Đình:

Thủy thiên nhất sắc (Nước trời một màu), *Phong nguyệt vô biên* (Gió trăng không bờ).

Đứng trên hiên tầng cao nhất của Lầu Nhạc Dương nhìn ra thấy hồ mênh mông, huyền ảo mặc dù đã xế trưa nắng đã lên nhưng vẫn còn mịt mù màn khói sương thu. Xa xa đảo Quân Sơn lơ mơ tô đậm nét hiện dần dần lên với độ nắng lên cao. Đúng như hai câu thơ của Lý Bạch đã diễn tả nói ở trên.



Hồ Động Đình nhìn từ Lầu Nhạc Dương mịt mù trong khói sương thu. Đảo Quân Sơn theo màu nắng vẽ mỗi lúc một thấy hiện rõ đậm nét thêm (ảnh của tác giả).

Lầu có phòng ngắm cảnh hồ, phòng uống rượu, uống trà, phòng ngâm thơ, làm thơ, phòng giải trí....

Bên cạnh lầu là quán đình ghi tên Anh ngữ là Three Drunkards Pavillion (Đình Ba Người Say). Lầu này được xây vào năm thứ 48 (1776) đời Càn Long nhà Thanh dựa theo truyền thuyết tiên ông Lữ Đồng Tân hay Lã ĐỒNG Tân, một trong Tám Vị Tiên đã say sưa tại Lầu Nhạc Dương ba lần. Trong đình tôi chỉ thấy tranh vẽ một vị tiên đang say rượu, không thấy hình ba vị tiên say.



Thi Tử Thần Tiên Lã ĐỒNG Tân đang say (ảnh của tác giả).

Có lẽ là dịch sai chăng? Nhiều khi Anh ngữ dùng dịch chữ Hán ở Trung Hoa rất... loạn. Nhìn tên chữ Hán đình có tên là Tam Túy Lầu (三醉亭) có nghĩa là Lầu Ba (lần) Say. Họ đã dịch Tam Túy là Three Drunkards, Ba Người Say.

Kể chứng lại với anh Đỗ Ngọc Thành thi tiên ông 呂洞賓, Lữ Đồng Tân, phiên âm Anh ngữ là Lu Dong Bin (đọc là Lũa Túng Pín) (trong khi tên ông tiên này thấy khắc trên bảng đá là Ly Dongbin). Lữ Đồng Tân được phong là “Thi Tửu Thần Tiên”.

Trong tranh có bài thơ. Bài thơ không có đề tựa, anh Đỗ Ngọc Thành đặt tên là Tiên Bay và chuyển qua Hán Việt, Việt ngữ và giải thích như sau:

朝游北越暮蒼梧, Triều Du Bắc Việt Mộ Thương Ngô, / Sáng Du Bắc Việt Chiều Thương Ngô,

袖里青蛇膽氣粗 ; Tụ Lí thanh Xà đảm khí thô; / Rắn xanh trong tay áo một khô;

三醉岳陽人不識, Tam Túy Nhạc Dương nhân bất thức, / Ba say Nhạc Dương ai mà biết,

朗吟飛過洞庭湖。 Lãng Ngâm phi quá Động Đình Hồ. / Lãng Ngâm bay qua Động Đình Hồ.

(bài thơ được phiên dịch “Nôm” cổ sao cho sát nghĩa mà vẫn gói gọn trong câu 7 chữ, nên không đúng luật “Đôi” và bằng trắc của thể thất ngôn tứ tuyệt).

Bài thơ này có một chứng tích của cổ sử Đại Tộc Việt.”. Vùng Động Đình Hồ ở giữa Hồ Bắc và Hồ Nam của nước Sở. Câu thơ “sáng du Bắc Việt chiều Thương Ngô” (朝游北越暮蒼梧, Triều Du Bắc Việt Mộ Thương Ngô, Thương Ngô-蒼梧 là một tên gọi khác của nước Sở, đó là “địa danh” ở phía Nam của Bắc Việt) cho thấy rõ ràng “Sở” là “Việt (xem hồ Động Đình Và Truyền Thuyết Việt).

Đình ngày nay được xây lại vào năm 1867. Rõ ràng là có tiên hiện ra ở hồ Động Đình. Đất hồ Động Đình là đất của Đạo giáo, của thần tiên. Dĩ nhiên đình này là nơi say sưa của các tiên ông phái Lưu Linh.

Ngoài ra còn có Tiên Mai đình, đền Tượng Nhớ Phạm Trọng Yêm và Đền Tử Kính (như đã nói)...

Một vài điểm khác biệt thấy ở đây cũng cần nói tới. Những thú biểu ở đây được diễn tả khác những nơi khác. Ngoài tứ linh Long Ly Quy Phượng còn thấy những thú biểu không thấy ở những nơi khác và được diễn tả một cách rất thi vị hơn:

.Lân cho con bú.



Lân cho con bú (ảnh của tác giả).

.Hươu chổng mông nhìn trời.

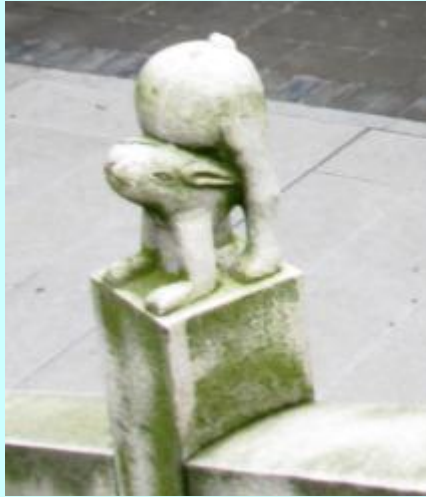
Hươu là thú chủ (host) của linh thú nghệ hay kì (trong cặp kì lân), linh vật biểu tượng của Kỳ Dương Vương ngành nọc, dương, Lửa Viêm Đế, Đế Minh.



Thú biểu hươu (ảnh của tác giả).

Ở đây còn thấy thêm các thú biểu ít thấy ở nơi khác như:

.Thỏ



Thỏ chống móng ngắm trời mây (ảnh của tác giả).

Thỏ biểu tượng cho mặt trăng, một khuôn mặt của Lạc Long Quân, ngành nông âm nước Thần Nông, Long Vương.

.Voi

Tượng voi có mặt nhiều ở đây mà ít thấy ở những nơi khác.



Tượng voi trước đền Dương Phi (ảnh của tác giả).



Voi ngồi ngắm cảnh hồ trông buồn rười rượi

(ảnh của tác giả).

Điểm này cho thấy ngày xưa ở đây có voi. Thật vậy, một phần đất của Hồ Nam thời nhà Tần thuộc về Tượng Quận.

Vãn cảnh xong, chúng tôi trở lại Lầu Nhạc Dương, tìm một góc lầu cao ngồi uống Ngân Châm trà ngắm hồ để hồn mình lâng lâng trôi theo dòng truyền thuyết, theo dòng huyền thoại của Đại Tộc Việt. Phải tới đây. Ngồi đây để thấy những dấu vết của truyền thuyết và cổ sử Đại Tộc Việt hãy còn bao nhiêu là chứng tích hiện hữu ở nơi này. Bách Việt giờ đang trên bờ tận tuyệt. Nghĩ về quê hương Việt Nam, một tộc Việt duy nhất còn tồn tại, giờ cũng đang lâm nguy, có nguy cơ bị diệt vong mà lòng thấy tan nát...

Hồn thơ trôi dạt dạt, lâu lắm rồi không làm thơ. Nhưng chiều nay, bên hồ Động Đình, cội nguồn của Đại Tộc Việt, tôi lại thấy say say trong men thơ.

Ghi vội mấy vần thơ, để rồi trên đường về sẽ chuốt lại:

Chiều nay mang đầy hồn huyền thoại,

Ta xuôi dòng rêu phong truyền thuyết,

Về thăm Động Đình hồ,

Nơi cội nguồn tộc Việt.

Hồ Động Đình. Động Đình hồ.

Diễm ảo thu sắc,

Vẽ tranh hồ huyền hoặc.

Khói sương thu thủy mặc huyền mơ.

Ven bờ,

Rừng chổi cờ lau sậy,
Theo gió thu phe phẩy quét sương mờ.
Mặt hồ ẩn hiện,
Mênh mông. Mênh mông. Mênh mông.
Bao la như biển vũ trụ.
Núi Động Đình, mây phủ.
Mây gói mây bênh bồng.
Như Núi Trụ Trời chống đỡ hư không.
Nước, đất, trời dựng cảnh thiên thai,
Nước, đất, trời dựng cảnh bồng lai.
Văng vẳng nghe bên tai,
Trong gió thu,
Gió Động Đình mẹ ru con ngủ,
Ru hời, à à ơi,
Ngày xưa ngày xưa, thời vừa sáng thế,
Kì Dương Vương, Vua Người Mặt Trời Xích Quỷ,
Xuống thủy cung,
Kết duyên cùng Thần Long,
Con gái Vua Rồng Động Đình Quân.
Sinh ra Sùng Lãm, vương hiệu Lạc Long Quân.
Linh khí âm dương hòa hợp,
Rồng Lạc Long và Chim Âu Cơ thành vợ thành chồng.
Cha Nước Biển, Mẹ Lửa Non,
Hôn phối âm dương thành bầu Trứng Vũ Trụ, càn khôn.
Đẻ ra bọc Trứng Thế Gian,

*Sinh ra trăm Lang ngành mặt trời,
Nòi Mẹ chim, năm mươi người lên núi,
Dòng Cha rắn, năm mươi người xuống biển ngàn khơi.
Dựng nên triều Hùng Vương,
Dòng vua thái dương rạng ngời.
Tổ tiên Người Mặt Trời Bách Việt.
Biên cương nước Văn Lang.
Phía Bắc tới hồ Động Đình,
Tới tận dòng Trường Giang,
Phía Tây giáp Tư Xuyên Ba Thục,
Phía Đông giáp Nam Hải,
Phía Nam xuống mãi tận Hồ Tôn Chiêm Thành.
Ôi Bách Việt một thời hùng anh!
Chiều nay mang đầy hồn huyền thoại,
Ta xuôi dòng rêu phong truyền thuyết,
Về thăm Động Đình hồ,
Nơi cội nguồn tộc Việt.
Mà thấy tả tơi trong lòng,
Mà thấy nước mắt hoen tròn,
Bách Việt giờ đang tận tuyệt.
Việt Nam giờ, nguy cơ diệt vong.
Việt Nam ơi! Hỡi Việt Nam ơi!
Hỡi dòng giống Việt Mặt Trời,
Dòng giống hào hùng oanh liệt,
Hãy bảo tồn truyền thống Việt,*

Hãy vùng lên giữ vững giang sơn,

Đời đời bất diệt,

Cùng mặt trời,

Muôn năm còn mãi rạng ngời.

Biết chắc rằng bài thơ này không thể nào được khắc để lưu lại tại đây, tôi thả những câu thơ làm tại đây xuống hồ Động Đình.

(Hết phần tổng quát, đón xem tiếp bài viết hồ Động Đình Và Truyền Thuyết Việt ở số tới).

TÀI LIỆU THAM KHẢO

.Các tài liệu quảng bá du lịch của Trung Quốc và các sách du lịch.

.vi.wikipedia.

Nguồn: <http://bacsinguyenxuanquang.wordpress.com/>



Nhóm mạng Việt Nam Văn Hiến

Trang : Động Đình Hồ

www.vietnamvanhien.net

www.vietnamvanhien.org

www.vietnamvanhien.info

www.vietnamvanhien.com

Email: thuky@vietnamvanhien.net